TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 326/2018/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 12 năm 2018
V/v: *Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung và tài sản chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Việt Thắng**

2. Ông **Trịnh Văn Điệp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Cẩm Hường** - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 733/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 về việc: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và tài sản chung,* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 591/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Cẩm T**, sinh năm 1995.

Trú tại: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh **Lê Đình T**, sinh năm 1985.

Trú tại: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn chị **Nguyễn Cẩm Tuyên** trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Cẩm T và anh Lê Đình T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau (*Giấy chứng nhận kết hôn số: 03/2015, Quyển số: 01/2015 ngày 13/01/2015*). Quá trình chung sống, vợ chồng thường bất đồng quan điểm, dẫn đến cãi nhau, do anh Lê Đình T thường xuyên cờ bạc, không lo lắng gia đình, mặc dù chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh Lê Đình T không hề thay đổi. Nay, chị nhận thấy cuộc sống của vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Đình T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Vân A, sinh ngày 17/01/2017. Hiện cháu do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Nguyễn Cẩm T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu. Yêu cầu anh Lê Đình T cấp dưỡng nuôi cháu Vân A theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Khi cưới, cha mẹ chồng có cho chị và anh Lê Đình T 08 chỉ vàng 24K. Khi sống chung, khoảng tháng 6/2016 anh Lê Đình T có hỏi mượn chị số vàng trên để anh Lê Đình T giải quyết công việc cá nhân và hứa sẽ trả lại nhưng đến nay anh T vẫn không thực hiện. Nay, chị yêu cầu anh Lê Đình T hoàn lại số vàng nêu trên để chia đôi, chị hưởng 04 chỉ vàng 24K, còn anh Lê Đình T được 04 chỉ vàng 24K.

Về nợ: Chị xác định không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh **Lê Đình T** trình bày:*

Về hôn nhân: Anh Lê Đình T thống nhất ý kiến trình bày của chị Tuyên.

Giữa anh và chị T chung sống với nhau có đăng ký kết đúng theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị Tuyên trình bày là không đúng. Giữa anh và chị T không có mâu thuẫn gì lớn. Trước đây, anh cũng có tham gia cờ bạc đúng như chị T trình bày, sau đó được chị T cùng cha mẹ hai bên khuyên can nên anh đã từ bỏ và có hứa hẹn với chị T xin tha thứ. Chị T cũng đã đồng ý bỏ qua cho anh, anh cũng không còn tham gia cờ bạc nữa. Nay, nhận thấy cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, mâu thuẫn không lớn, có thể hàn gắn được nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Đúng như chị T trình bày. Tuy nhiên, nếu Tòa án có giải quyết cho ly hôn, chị T không trực tiếp nuôi con được thì anh T yêu cầu được nuôi cháu. Không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Đúng như chị T trình bày. Tuy nhiên, chị T cho rằng anh T có mượn chị T số vàng trên để bán giải quyết công việc cá nhân là không có. Lúc sống chung, anh T và chị T đã bán số vàng trên để chi tiêu trong gia đình. Nay, chị T yêu cầu anh giao lại để chia đôi thì anh không đồng ý.

Về nợ: Anh T xác định không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Cẩm T vẫn kiên quyết xin ly hôn nhưng anh Lê Đình T không đồng ý.

Về con chung: Anh Lê Đình T đồng ý giao con chung cho chị Nguyễn Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Vân A mỗi tháng 700.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Vân A đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị T yêu cầu chia đôi 8 chỉ vàng 24K nhưng anh T không đồng ý.

Về nợ chung: Chị T và anh T xác định không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Lê Đình T có nơi trú tại ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau; về quan hệ pháp luật là: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và tài sản chung* nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 03/2015, Quyển số: 01/2015 ngày 13/01/2015 của Uỷ ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau đã cấp cho chị T và anh T nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T yêu cầu ly hôn, anh T yêu cầu được hàn gắn gia đình. Tòa án đã thông báo tổ chức tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành.

Tại phiên tòa, những lý do mâu thuẫn vợ chồng chị T trình bày anh T thống nhất có. Hiện anh chị không còn sống chung quan hệ gì nữa, mà đã ly thân. Nhưng anh T xác định mâu thuẫn không trầm trọng, chị T xác định mâu thuẫn phát sinh đã lâu, chị đã cố gắng chung sống để hàn gắn nhưng đến nay chị xác định không thể hàn gắn và chị khẳng định không còn tình cảm với anh T. Đối với anh T, mặc dù vẫn còn tình cảm với chị T nhưng trong suốt thời gian xảy ra mâu thuẫn, anh T không thuyết phục được chị Tuyên để tiếp tục chung sống vợ chồng và tại phiên tòa hôm nay anh T cũng không đưa ra được biện pháp hữu hiệu để giảm bớt mâu thuẫn, khắc phục rạn nứt đã tồn tại giữa anh chị, để tiếp tục chung sống. Trong khi quan hệ vợ chồng phải được xây dựng trên tình cảm và sự tôn trọng lẫn nhau, chỉ một mình anh T cố gắng hàn gắn trong khi chị T xác định không còn tình cảm và kiên quyết ly hôn. Hiện tại, anh chị đã ly thân, trong thời gian ly thân không ai quan tâm lo lắng cho ai, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên không thể hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa anh, chị. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với thực tế, cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Chị T, anh T có 01 người con chung tên Lê Vân A, sinh ngày 17/01/2017. Tại Tòa, anh T đồng ý giao cháu Vân A cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Vân A mỗi tháng 700.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Vân A đủ 18 tuổi và chị T cũng đồng ý.

Xét, sự thỏa thuận giữa chị T và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện giữa các đương sự. Tiếp tục giao cháu Lê Vân A, sinh ngày 17/01/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Vân A số tiền 700.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Vân A đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 10/12/2018. Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về tài sản chung:* Tại phiên tòa, chị T và anh T cùng xác định tài sản chung của vợ chồng là 08 chỉ vàng 24K và lời thừa nhận này là chứng cứ có thật theo

quy định Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy, chị T yêu cầu chia số vàng trên là phù hợp với khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T xác định, số vàng trên hiện nay chị không có quản lý. Lúc vợ chồng còn sống chung, anh T có mượn chị số vàng trên để giải quyết công việc cá nhân nhưng đến nay không thấy anh T trả lại. Còn anh T thừa nhận có mượn, nhưng thực chất là anh T lấy số vàng trên bán để trả nợ chung của vợ chồng và chi tiêu trong cuộc sống gia đình nên anh T không đồng ý theo yêu cầu của chị T. Xét, lời trình bày của anh T là không có cơ sở, bởi: anh T không có tài liệu chứng cứ để chứng minh việc anh bán số vàng trên để trả nợ chung của vợ chồng và chi tiêu trong cuộc sống gia đình. Trong khi phía chị T không thừa nhận và chị T xác định vợ chồng không có thiếu nợ ai, do trước đây anh T có tham gia cờ bạc và anh T có nợ riêng bên ngoài. Nên, lời trình bày của chị T cho rằng anh T có mượn của chị T số vàng trên là có cơ sở chấp nhận. Do đó, cần buộc anh T phải giao lại số vàng trên để chia đôi theo quy định của pháp luật. Anh T được tiếp tục sử dụng 04 chỉ vàng 24K, anh T có trách nhiệm hoàn lại cho chị T 04 chỉ vàng 24K là phù hợp.

[5] *Về nợ chung:* Chị Tuyên và anh T xác định không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí*: Căn cứ điểm a và b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Cẩm T phải chịu số tiền 300.000 đồng (án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm) và số tiền 711.800 đồng (án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch); Anh Lê Đình T phải chịu số tiền 300.000 đồng (án phí cấp dưỡng) và số tiền 711.800 đồng (án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 235; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56 và Điều 57; khoản 2 Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a và b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Cẩm T về việc yêu cầu được ly hôn với anh Lê Đình T.

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Cẩm T được ly hôn với anh Lê Đình T.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Vân A, sinh ngày 17/01/2017 cho chị Nguyễn Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Đình T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Buộc anh Lê Đình T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Vân A, sinh ngày 17/01/2017 số tiền 700.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Vân A đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 10/12/2018.

Về tài sản chung: Anh Lê Đình T được tiếp tục sử dụng 04 chỉ vàng 24K và anh T có trách nhiệm hoàn lại cho chị Nguyễn Cẩm T 04 chỉ vàng 24K.

Về nợ: Chị Nguyễn Cẩm T và anh Lê Đình T xác định không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Cẩm T phải chịu số tiền 300.000 đồng (án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm) và số tiền 711.800 đồng (án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch), tổng cộng chị T phải nộp 1.011.800 đồng. Ngày 23/11/2018 chị T dự nộp số tiền 340.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008838 và số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008837, đối trừ chị T phải nộp tiếp số tiền 371.800 đồng. Anh Lê Đình T phải chịu số tiền 300.000 đồng (án phí cấp dưỡng) và số tiền 711.800 đồng (án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch), tổng cộng anh T phải nộp 1.011.800 đồng.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang